

Số: /BC-VHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Dự thảo

BÁO CÁO

Đánh giá thực trạng hoạt động văn học và các vấn đề liên quan đến lập đề nghị xây dựng Nghị định về hoạt động văn học

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; căn cứ vào Điều 87 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trên cơ sở tổng hợp kết quả báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá IX) về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”; báo cáo đánh giá thực trạng về hoạt động văn học của các tỉnh, thành phố. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng báo cáo đánh giá thực trạng hoạt động văn học và các vấn đề liên quan đến lập đề nghị xây dựng Nghị định về hoạt động văn học như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TRIỂN KHAI CÁC CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG VĂN HỌC

1. Tình hình thực hiện các văn bản của Đảng

Văn học là một bộ phận của đời sống văn học nghệ thuật và là một trong những bộ phận quan trọng cấu thành nền văn hóa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ năm 1986 đến nay trong lĩnh vực văn hóa, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có nhiều nghị quyết, quyết định, chỉ thị rất quan trọng để xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ mới. Đó là Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII và đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII năm 1998 về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đây là những nghị quyết có ý nghĩa chiến lược về phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 và Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta đã xác định, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một trong những đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nêu rõ: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân chủ, văn minh; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển.

Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục xây dựng và phát triển Văn học, Nghệ thuật trong thời kỳ mới” đã đưa ra một số mục tiêu như: Xây dựng, phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ Việt Nam một cách toàn diện

cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu loại hình có các thể hệ nối tiếp nhau vững chắc, có tình yêu Tổ quốc nồng nàn, gắn bó sâu sắc với nhân dân, với sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo, có năng lực sáng tạo đoàn kết, gắn bó cùng phát triển trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam trên đất nước ta. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, đảm bảo yêu cầu phát triển của lĩnh vực văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới đã được cấp uỷ, chính quyền các địa phương triển khai đồng bộ, hiệu quả, tích cực; các địa phương ban hành các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận, Chương trình, Kế hoạch hành động cụ thể của cấp uỷ, chính quyền để triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW.

Đa số các tỉnh, thành phố đã ban hành kế hoạch và tổ chức nghiên cứu, triển khai cụ thể hóa Nghị quyết số 23-NQ/TW. Cụ thể, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh đã ban hành Kế hoạch số 31-KH/TU, ngày 25/8/2008 về nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Hội nghị Trung ương 7 và Nghị quyết 23-NQ/TW; tổ chức Hội nghị học tập, quán triệt việc triển khai thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW cho đội ngũ cán bộ chủ chốt của tỉnh và các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc. Chỉ đạo các đảng bộ trực thuộc, MTTQ và các đoàn thể; Hội VHNT tỉnh, tổ chức triển khai, quán triệt đến các cán bộ, đảng viên, hội viên và tuyên truyền sâu rộng nội dung của Nghị quyết trong các tầng lớp nhân dân; Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 31/10/2008 của Tỉnh ủy Quảng Nam thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới; Tỉnh Nghệ An đã ban hành Kế hoạch số 37-KH/TU ngày 8/10/2008 về nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và nhân dân, cụ thể hóa Nghị quyết 23; Chương trình hành động số 18-CTr/TU nhằm xác định mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Nghị quyết, phân công các ban, ngành chức năng triển khai các nội dung Nghị quyết bằng các chương trình, đề án để thực hiện... Đề hoạt động sáng tác văn học phát triển, cấp uỷ đảng chính quyền các cấp luôn quan tâm, cổ vũ, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các hoạt động văn học thông qua các cơ chế chính sách đặc thù đối với văn học và các nhà văn, phù hợp với sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Công tác quản lý của Nhà nước về văn học có nhiều chuyển biến tích cực, các chương trình đề án nhằm thúc đẩy sự phát triển của văn học được quan tâm xây dựng, tích cực triển khai thực hiện trên khắp cả nước.

Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) và Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước cũng được các địa phương triển khai quyết liệt bằng các chương trình hành động cụ thể để kịp thời tham mưu, đề xuất với cấp uỷ, chính quyền trong triển khai tổ chức thực hiện một số hoạt động liên quan tới công tác văn học, góp phần nâng cao vai trò quan trọng của văn học trong việc phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá thật sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Chú trọng nâng cao giá trị tư tưởng, nghệ thuật, đồng thời đảm bảo tự do dân chủ trong sáng tạo văn học, nghệ thuật. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật; khuyến khích tự do sáng tạo, thực thi quyền tác giả.

Chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc tháng 11/2021 đã khẳng định “Đối với công tác quản lý nhà nước, cần sớm khắc phục tình trạng chậm trễ chế độ hóa đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng thành luật pháp và các chính sách cụ thể, khả thi về phát triển văn hóa, xây dựng con người. Đẩy mạnh công tác sắp xếp lại tổ chức bộ máy quản lý văn hóa từ trung ương đến cơ sở. Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách phù hợp, chú ý đến tính đặc thù của hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Nâng mức đầu tư một cách hợp lý từ nguồn ngân sách nhà nước, đồng thời khơi thông các nguồn lực xã hội, nguồn lực trong nước và nước ngoài cho phát triển văn hóa. Trong quá trình đa dạng hóa các hoạt động văn hóa, Nhà nước cần chú trọng đầu tư vào dòng chủ lưu của văn hóa cách mạng để làm nòng cốt và dẫn dắt, truyền cảm hứng chủ đạo trong việc bồi dưỡng tư tưởng, tâm hồn, tình cảm trong sáng, lành mạnh, góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội”. Chính vì vậy, để thể chế hoá quan điểm tư tưởng chỉ đạo của Đảng, Nhà nước cần sớm nghiên cứu ban hành các chính sách nhằm cụ thể hoá đường lối của Đảng đối với các hoạt động văn hóa trong đó có văn học là nhiệm vụ cụ thể xuyên suốt trong việc lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước ta.

Các Nghị quyết, chỉ đạo của Đảng đã khẳng định vai trò rất quan trọng của hoạt động văn hóa nói chung và hoạt động văn học nói riêng đối với sự phát triển của xã hội. Các cơ quan quản lý Nhà nước đã và đang phối hợp với các Hội văn học nghệ thuật từ Trung ương đến địa phương từng bước cố gắng nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, chú trọng công tác thể chế hoá, tạo hành lang pháp lý cần thiết cho hoạt động văn hóa nói chung và hoạt động văn học nói riêng phát triển. Triển khai thi hành Nghị quyết của Đảng, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2215/QĐ-TTg Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014; Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định số 3133/QĐ-BVHTTDL ngày 28/10/2020 về Kế hoạch của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, theo báo cáo 10 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với văn học có nhiều chuyên biết tích cực, bước đầu đã tạo hành lang pháp lý rõ ở một số lĩnh vực cụ thể, tuy nhiên về văn học mới dừng lại ở các đề án, chương trình chưa có hành lang pháp lý liên quan đến văn học để thúc đẩy văn học phát triển.

2. Tình hình thực hiện các quy định pháp luật

2.1. Các quy định pháp luật

Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học nghệ thuật đã ra đời. Công ước được phát triển từ Đạo luật Paris năm 1971. Hiện đã có 160 nước trên thế giới tham gia Công ước này và năm 2004. Việt Nam đã gia nhập Công ước với một số điều khoản cụ thể đảm bảo tính quốc tế và áp dụng thực tế của Việt Nam.

Hiến pháp 2013: Dành 3 Điều quy định về văn hoá nghệ thuật

“Điều 60.

1. Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

2. Nhà nước, xã hội phát triển văn học, nghệ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần đa dạng và lành mạnh của Nhân dân...

Về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, Hiến pháp 2013 quy định:

Điều 40. Mọi người có quyền sáng tạo... văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó.

Điều 41. Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa”.

Như vậy, Hiến pháp năm 2013 quy định định hướng phát triển xây dựng một nền văn học tiên tiến, mang bản sắc dân tộc và có tiếp thu tinh hoa của thế giới. Hiến pháp cũng ghi nhận sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ hoạt động sáng tạo, quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa là quyền con người và quyền cơ bản của công dân cần được pháp luật quy định cụ thể để bảo đảm quyền này được thực thi trên thực tiễn cụ thể.

Ngoài ra, hoạt động văn học còn được quản lý, điều hành thông qua các văn bản hành chính, đó là: Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 01/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Xây dựng và rà soát các chế độ chính sách đối với hoạt động văn học, nghệ thuật và văn nghệ sĩ; chế độ tài trợ, đặt hàng đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật được thực hiện theo tinh thần hiện thực hoá, thể chế hoá những tư tưởng thể hiện trong Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới. Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 01/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành phê duyệt đề án “Khuyến khích sáng tác và công bố các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, phản ánh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ cứu nước, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước giai đoạn 1930 - 1975¹;

Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 14/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tiếp tục hỗ trợ hoạt động sáng tạo các tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật, báo chí ở Trung ương và các Hội Văn học Nghệ thuật địa phương; hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao ở địa phương giai đoạn 2011 - 2015; Quyết

¹ Kết quả, đã in và phát hành hơn 30.000 cuốn và 12 đầu sách trong đó có 05 tiểu thuyết, 04 tập hồi ký, 03 tập trường ca...

định số 650/QĐ-TTg ngày 25 /4/2016 Phê duyệt Đề án tiếp tục hỗ trợ hoạt động sáng tạo tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật, báo chí ở Trung ương và các Hội văn học nghệ thuật địa phương, hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao ở các Hội Nhà báo địa phương giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 3801/QĐ-BVHTTDL ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc ban hành Quy chế sửa đổi đặt hàng sáng tác và công bố các tác phẩm văn học, nghệ thuật (lĩnh vực văn học)... Qua đó, các nhà văn được tạo điều kiện, khuyến khích, động viên, khơi dậy tinh thần sáng tạo, say mê cống hiến vì văn học. Đa số nhà văn là hạt nhân nòng cốt trong việc sáng tác, quảng bá, tác phẩm, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tích cực giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, mang đến cho công chúng trong nhiều tác phẩm văn học đạt chất lượng, thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần thúc đẩy việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị đất nước.

2.2. Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến văn học

a) *Pháp luật về xuất bản*: Cụ thể hóa quyền hiến định nêu trên, liên quan đến lĩnh vực văn học, Quốc hội ban hành Luật Xuất bản năm 2012. Chính phủ ban hành Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản. Luật Xuất bản quy định về tổ chức và hoạt động xuất bản (bao gồm tổ chức, khai thác bản thảo, biên tập thành bản mẫu, trong đó có tác phẩm văn học để in và phát hành hoặc để phát hành trực tiếp qua các phương tiện điện tử); quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xuất bản. Theo quy định tại Luật này thì Nhà nước bảo đảm quyền sáng tạo và phổ biến tác phẩm văn học dưới hình thức xuất bản phẩm thông qua nhà xuất bản và bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan.

- Nhà nước không kiểm duyệt tác phẩm trước khi xuất bản.

- Những hành vi bị nghiêm cấm: Khoản 1 Điều 10 Luật nghiêm cấm xuất bản các tác phẩm văn học có nội dung:

a) Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

b) Tuyên truyền kích động chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; kích động bạo lực; truyền bá tư tưởng phản động, lối sống dâm ô, đồi trụy, hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục;

c) Tiết lộ bí mật Nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định;

đ) Xuyên tạc sự thật lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, danh nhân, Anh hùng dân tộc; không thể hiện hoặc thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia; vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân.”.

- Một số các tác phẩm văn học thuộc trường hợp quy định tại Điều 24 Luật Xuất bản có dấu hiệu vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 10 của Luật này phải được nhà xuất bản thẩm định trước khi tái bản.

- Cơ quan hậu kiểm: Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đọc, kiểm tra xuất bản phẩm lưu chiếu và thẩm quyền xử lý xuất bản phẩm vi phạm. Trước khi xuất bản tác phẩm, tái bản tác phẩm văn học, nhà xuất bản phải đăng ký xuất bản với Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan tiền kiểm: Xuất bản tài liệu không kinh doanh mà không thực hiện qua nhà xuất bản thì Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh:

Nhà xuất bản chịu trách nhiệm về nội dung tác phẩm xuất bản và đăng ký xuất bản. Bộ Thông tin và Truyền thông có quyền từ chối xác nhận đăng ký xuất bản với các lý do được quy định tại Khoản 7 Điều 10 Nghị định 95/2013/NĐ-CP, trong đó có lý do nội dung tác phẩm vi phạm khoản 1 Điều 10 Luật Xuất bản; cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh phải đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm với Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ xác nhận đăng ký bằng văn bản;

Trước khi nhập khẩu tác phẩm để kinh doanh tác phẩm văn học nước ngoài, cơ sở hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải đăng ký nhập khẩu. Bộ Thông tin và Truyền thông có quyền từ chối xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm hoặc yêu cầu thẩm định nội dung xuất bản phẩm đó trước khi xác nhận đăng ký nhập khẩu (Điều 39 Luật Xuất bản). Nội dung các tác phẩm văn học nước ngoài được nhập khẩu sẽ phải được người đứng đầu cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm tổ chức thẩm định nội dung trước khi phát hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về xuất bản phẩm nhập khẩu (khoản 6 Điều 40 Luật Xuất bản). Cơ sở phải có đội ngũ đủ năng lực để thẩm định nội dung tác phẩm (Điều 38 Luật Xuất bản). Theo quy định tại Điều 14 Nghị định 95/2013/NĐ-CP, đội ngũ này bao gồm: a) Người đứng đầu cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm. Trường hợp người đứng đầu cơ sở hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành, phải có giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ phát hành xuất bản phẩm do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp; b) có ít nhất 05 (năm) nhân viên đủ năng lực thẩm định nội dung sách, có thâm niên công tác trong hoạt động xuất bản ở Việt Nam từ 05 năm trở lên, có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành ngoại ngữ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành khác nhưng có trình độ ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu thẩm định nội dung sách nhập khẩu và có giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ phát hành xuất bản phẩm do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp.

Tác phẩm văn học trước khi trưng bày, giới thiệu, phát hành tại triển lãm, hội chợ đều phải được Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, thẩm định nội dung xuất bản phẩm. Các tác phẩm có dấu hiệu vi phạm quy định tại Điều 10 của Luật Xuất bản, không có nguồn gốc hợp pháp; đã bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy đều không được phép đưa vào triển lãm, hội chợ (khoản 5 và khoản 6 Điều 44 Luật Xuất bản). Nội dung các tác phẩm được xuất bản, phát hành trên môi trường điện tử cũng được quản lý tương tự như trên bản giấy. Việc xuất bản điện tử phải do nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức có giấy phép xuất bản tài liệu không kinh

doanh thực hiện. Việc phát hành do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện.

Thực tiễn trước khi xuất bản các tập thơ, tập truyện ngắn, tiểu thuyết... các tác giả được cấp giấy phép xuất bản. Các ấn phẩm sách bị đình bản hay bị thu hồi vì vi phạm xuất bản. Chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động xuất bản được nâng lên một bước, góp phần đấu tranh, ngăn chặn tình trạng in lậu, phát hành sách lậu, văn hoá phẩm độc hại. Như vậy, Luật Xuất bản công cụ quản lý hữu hiệu nhằm bảo đảm quyền tự do ngôn luận, bảo đảm quyền sáng tạo và phổ biến tác phẩm của công dân. Tuy nhiên, Luật chưa có những quy định cụ thể để quản lý các tác phẩm phù hợp với xu hướng số hóa, ví dụ như các tác phẩm văn học điện tử được thể hiện dưới hình thức ebook, audio books, tác phẩm văn học có tích hợp video và audio...

b) Luật Thư viện: Cũng có quy định về văn học, trong đó quy định chức năng của thư viện là phát triển văn hóa đọc (Điều 4); quy định Nhà nước hỗ trợ đầu tư và thực hiện xã hội hóa để phát triển văn hóa đọc (Điều 5 và Điều 6); quy định ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam; phát triển văn hóa đọc thông qua các hoạt động cụ thể (Điều 30); quy định tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý thư viện; tổ chức xã hội nghề nghiệp về thư viện có trách nhiệm phát triển văn hóa đọc (Điều 47); quy định trách nhiệm quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa đọc (các Điều 48, 49 và Điều 50); thông qua thư viện người đọc được tiếp cận tác phẩm văn học, theo các hình thức sử dụng tài nguyên thông tin tại thư viện, mượn theo thời hạn quy định trong nội quy thư viện; tra cứu thông tin trên không gian mạng; tiếp nhận thông tin về tài nguyên.

Theo số liệu thống kê năm 2021, hệ thống thư viện và phòng đọc cơ sở phục vụ cộng đồng có khoảng 19.477 thư viện, phòng đọc cơ sở, trong đó: có 01 thư viện Quốc gia Việt Nam, 63 thư viện cấp tỉnh, 671 thư viện cấp huyện, 2.650 thư viện cấp xã, 16.092 thư viện, phòng đọc cơ sở và thư viện cộng đồng, 282 thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng. Bên cạnh đó, mạng lưới thư viện phục vụ các đối tượng chuyên biệt như: Thư viện chuyên ngành, thư viện lực lượng vũ trang nhân dân, thư viện trong các cơ sở giáo dục đại học (khoảng trên 400 thư viện), thư viện trong các trường phổ thông (khoảng trên 26.000 thư viện).

c) Luật sở hữu trí tuệ: Được ban hành từ năm 2005, sửa đổi, bổ sung vào các năm 2009 và 2019 đã phát huy vai trò trong việc điều chỉnh các quan hệ pháp luật đối với loại tài sản đặc biệt - quyền SHTT: Tại phiên họp ngày 16/6/2022 kỳ họp thứ 3 của Quốc hội Khóa XV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT), chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2023 Quyền tác giả bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản, Quyền đặt tên cho tác phẩm, Quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm, Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén tác phẩm, Quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng, Quyền sao chép tác phẩm, Quyền phân phối bản gốc hoặc bản sao tác phẩm, Quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác, có thời hạn bảo hộ suốt cuộc đời tác giả và 50 năm tiếp theo

năm tác giả mất. Luật xác định rõ chủ thể nắm giữ quyền tài sản trong các trường hợp chuyển nhượng, chuyển giao Quyền tác giả, Quyền liên quan đến quyền tác giả. Luật quy định cho phép chuyển giao một số quyền nhân thân theo thỏa thuận (thỏa thuận đặt tên, sửa đổi tác phẩm) phù hợp với đặc thù của lĩnh vực quyền tác giả nhằm giải quyết những vướng mắc tồn tại trong thực tiễn thời gian qua như trường hợp có nhu cầu thay đổi tên tác phẩm.

Như vậy, Luật đã tạo lập môi trường pháp lý hữu hiệu nhằm phát triển hoạt động bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm văn học trên lãnh thổ Việt Nam, phù hợp với thực tiễn và chuẩn mực quốc tế về quyền tác giả, quyền liên quan

Quyền tác giả bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản, Quyền đặt tên cho tác phẩm, Quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm, Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén tác phẩm, Quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng, Quyền sao chép tác phẩm, Quyền phân phối bản gốc hoặc bản sao tác phẩm, Quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác, có thời hạn bảo hộ suốt cuộc đời tác giả và 50 năm tiếp theo năm tác giả mất.

Luật đã tạo lập môi trường pháp lý hữu hiệu nhằm phát triển hoạt động bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm văn học trên lãnh thổ Việt Nam, phù hợp với thực tiễn và chuẩn mực quốc tế về quyền tác giả, quyền liên quan.

Theo Cục Xuất bản, In và phát hành từ 5 năm trở về đây đã có 19.741 cuốn với 33.728.258 bản (bao gồm cả sách in và sách điện tử), đã xử lý vi phạm nội dung 126 cuốn sách thể loại văn học (*truyện ngắn, tiểu thuyết, tản văn, hồi ký, tự truyện...*) với các hình thức, mức độ khác nhau, như: Yêu cầu tái bản phải sửa chữa, rút kinh nghiệm trong khâu biên tập; rà soát, kiểm tra nội dung xuất bản phẩm để chỉnh sửa lỗi sai trước khi phát hành; đình chỉ phát hành để sửa chữa nội dung xuất bản phẩm; đình chỉ phát hành để thẩm định nội dung xuất bản phẩm; đình chỉ phát hành, thu hồi xuất bản phẩm.

Một số hành vi vi phạm về quyền tác giả đối với tác phẩm. Hoạt động bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan nói chung và bảo hộ quyền tác giả đối với các tác phẩm viết nói riêng đã có những chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy sáng tạo có giá trị phục vụ công chúng, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa và hội nhập quốc tế của đất nước. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng vi phạm quyền tác giả với hình thức và mức độ khác nhau khi sáng tạo tác phẩm, khai thác, sử dụng các quyền thuộc quyền tác giả như: Sao chép tác phẩm mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả; làm tác phẩm phái sinh mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh; sử dụng tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả, không trả tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất khác

theo quy định của pháp luật; truyền đạt tác phẩm đến công chúng qua mạng truyền thông và các phương tiện kỹ thuật số mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả; xuất bản tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả; cố ý hủy bỏ hoặc làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình; chiếm đoạt quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; mạo danh tác giả... trừ các trường hợp theo quy định của Luật. Nguyên nhân dẫn đến hành vi vi phạm đó là:

+ Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan và cá nhân sáng tạo tác phẩm vẫn chưa ý thức được trách nhiệm, nghĩa vụ về việc chấp hành pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

+ Tác giả, chủ sở hữu quyền còn thiếu hiểu biết và chưa nắm vững các quy định pháp luật, chưa chủ động áp dụng các biện pháp theo các quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình khi bị xâm phạm quyền.

+ Vẫn còn tổ chức, cá nhân bất chấp pháp luật, chạy theo lợi nhuận bất chính mà xâm hại tới quyền lợi hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền.

d) Luật An ninh mạng năm 2018: Luật này quy định về hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Luật đã tạo cơ sở pháp lý để thực hiện các biện pháp nhằm phòng ngừa và xử lý hành vi đăng tải, lưu giữ, truyền bá các tác phẩm văn học, tác phẩm phê bình văn học, các hoạt động văn học khác có nội dung vi phạm pháp luật trên môi trường không gian mạng.

đ) Luật Thi đua khen thưởng 2003: Luật này đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2005/QH11, Luật số 32/2009/QH12 và Luật số 39/2013/QH13, Luật Thi đua khen thưởng năm 2022, có hiệu lực 01/01/2014, hiện nay, Thường trực Ban Bí thư TW Đảng (Văn bản số 3819- CV/VPTW ngày 19/5/2022 thông báo ý kiến của đồng chí Thường trực Ban Bí thư), Ban Tuyên giáo Trung ương (Văn bản số 3004/CV-BTGTW ngày 20/5/2022) đã có ý kiến đồng thuận việc bổ sung các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực nhiếp ảnh, kiến trúc, văn học và “soạn giả” sân khấu đề xét tặng danh hiệu đề nghị Quốc hội xem xét, quyết định. Như vậy, so với hiện hành Luật Thi đua khen thưởng đã bổ sung đối tượng là người sáng tạo tác phẩm văn hóa nghệ thuật khác do Chính phủ quy định. Hiện nay, để tôn vinh các nhà văn, nhà thơ trong sáng tạo văn học thì định kỳ Nhà nước tổ chức xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” và “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật, tuy nhiên, để có tiêu chuẩn xét tặng Giải thưởng nói trên cần có các tiêu chuẩn như: phải có Giải Vàng, Giải A hoặc Giải Nhất tại các cuộc thi, liên hoan chuyên nghiệp và triển lãm về văn học, nghệ thuật cấp quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, điều này chưa tạo điều kiện cho việc thúc đẩy việc sáng tạo văn học trong nhân dân, đặc biệt giới trẻ.

e) Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 133/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ. Theo đó, tác giả có tác phẩm thuộc các thể loại văn học; công trình

nghiên cứu, lý luận, phê bình về văn học đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định được Chủ tịch nước tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”; tặng Bằng Chứng nhận “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật” theo thủ tục được quy định tại Nghị định và “được hưởng các quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng”, (khoản 1 Điều 6 Nghị định số 90/2014/NĐ-CP).

Như vậy, có thể thấy, các chính sách của Đảng, Nhà nước và hệ thống pháp luật mới chỉ dừng lại ở các quy định bảo vệ quyền sáng tạo văn học của cá nhân, kiểm soát nội dung các tác phẩm khi được xuất bản, phát hành; bảo vệ quyền tác giả, khuyến khích sáng tác những tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao, tạo điều kiện cho người đọc được tiếp cận với các tác phẩm không có nội dung độc hại.

II. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG VĂN HỌC

1. Những kết quả đạt được

1.1. Hoạt động sáng tác văn học, dịch văn học, lý luận, phê bình văn học

a) Về hoạt động sáng tác văn học

Văn học Việt Nam trong nhiều năm qua đã phát triển toàn diện và mạnh mẽ; thấm nhuần sâu sắc tinh thần dân tộc nhân văn, dân chủ; kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống, bản sắc dân tộc; đồng thời, tiếp thu chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội. Chủ thể của những sáng tạo gồm nhiều thế hệ nhà văn đã tạo ra các tác phẩm mang sứ mệnh gắn liền từng giai đoạn lịch sử, tiến trình phát triển của dân tộc. Nhiều tác phẩm đã thể hiện được tâm hồn, trí tuệ, nhân cách, con người Việt Nam. Ngày nay, hoạt động sáng tác văn học Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực tạo nên những nguồn cảm hứng mới cho sáng tác và tiếp nhận ở công chúng. Trong hoạt động sáng tác văn học đã có những chuyển biến tích cực, đảm bảo đúng định hướng chính trị, nền tảng tư tưởng của Đảng, sự chỉ đạo của nhà nước đối với nền văn học nước nhà, khơi dậy và phát huy những giá trị lịch sử, truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và đấu tranh chống tư tưởng sai trái của các thế lực thù địch. Văn học Việt Nam hiện nay đã đạt được sự đa dạng về đội ngũ sáng tác và đề tài cũng như phương thức sáng tác. Về đội ngũ nhà văn, bên cạnh thế hệ tác giả sinh vào những năm 60, 70 của thế kỷ trước hiện là nòng cốt của lực lượng sáng tác và đạt được nhiều thành tựu về sự nghiệp thì đội ngũ các tác giả sinh vào những năm 80 của thế kỷ trước cũng bắt đầu định hình được dấu ấn nghề nghiệp và đặc biệt, thế hệ những nhà văn dưới 30 tuổi cũng bắt đầu có được những thành tựu đầu tiên và được các giải thưởng dành cho văn học trẻ kịp thời phát hiện, khẳng định. Về đề tài, tiếp nối tinh thần khai phóng của Đổi mới, văn học phát triển đa dạng về đề tài, trong đó, có những mảng đề tài có thành tựu nổi bật như đề tài lịch sử, đề tài chiến tranh cách mạng. Bên cạnh những sáng tác mang tính cá nhân của các nhà văn, sáng tác đặt hàng phục vụ những nhiệm vụ chính trị cũng có những kết quả đáng ghi nhận. Thông qua những hoạt động sáng tác hưởng ứng các cuộc thi, sáng tác theo đặt hàng, các nhà văn đã đóng góp tiếng nói của mình vào sự nghiệp văn

hóa, tư tưởng của Đảng, góp phần giải quyết những vấn đề mang tính thời sự của đất nước.

b) Về dịch văn học

Cùng với sự phát triển phong phú và đa dạng của hoạt động sáng tác văn học thì dịch văn học (bao gồm cả dịch văn học Việt Nam ra tiếng nước ngoài và dịch văn học nước ngoài sang tiếng Việt) cũng là lĩnh vực phát triển rất sôi nổi của đời sống văn học.

Đến nay, số lượng các tác phẩm văn học Việt Nam được dịch và giới thiệu ra nước ngoài ngày càng nhiều, đặc biệt là sang các thứ tiếng có nhiều người sử dụng trên thế giới: tiếng Anh, Trung, Pháp, Đức, Nhật, Tây Ban Nha... Không những thế, văn học Việt Nam cũng được dịch cả sang những thứ tiếng có giới hạn sử dụng mang tính khu vực như tiếng Hàn Quốc, tiếng Czech, tiếng Ba Lan... Các tác phẩm văn học Việt Nam được dịch và xuất bản ở nước ngoài bao gồm cả các tác phẩm văn học hiện đại và đương đại (trong đó có những tác phẩm được dịch ra rất nhiều ngôn ngữ khác nhau như truyện ngắn của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp hay tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh* của nhà văn Bảo Ninh) và những tác phẩm cổ điển, có giá trị tinh hoa của văn học dân tộc như *Truyện Kiều*, *Lục Vân Tiên*, *Nhật ký trong tù*. Nhìn chung, những tác phẩm văn học Việt Nam được dịch và xuất bản ở nước ngoài đều là những tác phẩm có giá trị, mang tính đại diện cho nền văn học Việt Nam. Điều đó cũng cho thấy mối quan tâm đến văn học Việt Nam của công chúng trên thế giới không ngừng mở rộng. Đạt được những thành tựu như trên là nhờ vào sự nỗ lực của những dịch giả trong nước mà còn có sự góp sức của những dịch giả nước ngoài². Bên cạnh đó, cũng không thể không nói tới những nỗ lực của Hội Nhà văn và các Nhà Xuất bản trong việc đưa văn học Việt Nam tiếp cận với thị trường thế giới. Điều đó thể hiện qua sự thành lập của Trung tâm dịch thuật của Hội nhà văn Việt Nam, các Hội nghị quảng bá văn học Việt Nam và các hợp đồng dịch thuật được Hội Nhà văn và một số nhà xuất bản ký trực tiếp với một số đối tác uy tín ở nước ngoài.

Bên cạnh các hoạt động dịch văn học Việt Nam sang tiếng nước ngoài thì các hoạt động dịch văn học nước ngoài sang tiếng Việt cũng phát triển rất mạnh mẽ. Nhìn từ góc độ thị trường thì văn học dịch đang chiếm tới trên 50% thị trường sách

² Tiêu biểu, năm 2003, dịch giả Ahn Kyong Hwan lần đầu tiên đã công bố bản dịch tập thơ “*Nhật ký trong tù*” của Hồ Chí Minh sang tiếng Hàn; bản dịch này 4 lần được tái bản liên tiếp. Năm 2004, Ahn Kyong Hwan tiếp tục công bố bản dịch tiếng Hàn tác phẩm “*Truyện Kiều*” của Nguyễn Du. Năm 2008, ông đã hoàn thành bản dịch và đưa vào xuất bản tác phẩm “*Nhật ký Đặng Thùy Trâm*”. Một giáo sư Hàn Quốc khác - Bac Yang Su, người tham gia Cuộc gặp gỡ quốc tế giới thiệu văn học Việt Nam lần thứ nhất, cũng đã cho xuất bản bản dịch tiếng Hàn tiểu thuyết “*Áo trắng*” của Nguyễn Văn Bông năm 2006; sau đó, ông lại hoàn thành bản dịch “*Chinh phụ ngâm*” của Đặng Trần Côn. Cùng thời điểm này, 9 tác phẩm văn học Việt Nam cũng được nhiều dịch giả ở Thụy Điển dịch và đưa vào xuất bản. Đáng chú ý, việc dịch và giới thiệu văn học Việt Nam sang tiếng Nga sau nhiều năm vắng bóng, gần đây đã có những dấu hiệu tích cực. Nữ giáo sư Tachiana Philimônova - người cũng tham gia Cuộc gặp gỡ quốc tế giới thiệu văn học Việt Nam lần thứ nhất - mới đây đã hoàn thành bản dịch tiếng Nga “*Tuyển tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp*”... Nhất Linh, Khải Hưng..., *Lục Vân tiên* ra tiếng Nhật, Hàn, Anh, Pháp, dịch *truyện Kiều* ra tiếng Nga... *Hồn bướm mơ tiên*- *Khải Hưng*, *Sách thiếu nhi Nguyễn Nhật Ánh*...

văn học. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của các hoạt động dịch văn học nước ngoài sang tiếng Việt trong việc đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của người đọc Việt Nam. Nhìn vào cơ cấu văn học dịch, có thể thấy bên cạnh bộ phận văn học đại chúng, văn học giải trí thì văn học tinh hoa của các nước vẫn được dịch một cách rất phong phú sang tiếng Việt bao gồm cả sách của những tác giả cổ điển của các nền văn học lớn và các tác giả hiện đại, đương đại được những giải thưởng văn học uy tín trên thế giới. Chỉ cần nhìn vào cơ cấu các tác giả được giải Nobel văn chương, có thể thấy trên 50% số tác giả đã được dịch sang tiếng Việt, đặc biệt các tác giả được giải trong khoảng 20 năm trở lại đây. Các bản dịch văn học, đặc biệt là văn học cổ điển, văn học tinh hoa đạt được chất lượng dịch thuật đáng ghi nhận, được giới chuyên môn và người đọc đánh giá cao. Nếu như trước đây, người đọc Việt Nam chỉ được đọc những tác phẩm của các nền văn học lớn như: Trung Quốc, Nga, Anh, Pháp, thì trong những năm vừa qua và hiện nay người đọc có cơ hội được đọc các tác phẩm văn học của rất nhiều nước khác nữa trên thế giới mà lâu nay hầu như chưa được biết đến tại Việt Nam, như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, các nước Đông Âu... Các tác phẩm văn học được dịch sang tiếng Việt cũng ngày càng phong phú về thể loại và đề tài, giúp người đọc Việt Nam tiếp cận toàn diện hơn, sâu sắc hơn với văn học thế giới, đồng thời tạo điều kiện cho văn học Việt Nam hòa nhập với văn học thế giới. Số lượng người đọc Việt Nam mến mộ văn học nước ngoài cũng ngày càng tăng, điều này được thể hiện ở sức mua và việc tái bản các tác phẩm văn học nước ngoài đã được dịch sang tiếng Việt. Trong lĩnh vực dịch văn học nước ngoài sang tiếng Việt, không chỉ giới dịch giả mà các nhà xuất bản cũng đã tiếp cận dần với các quy chuẩn quốc tế về bản quyền, quy trình xuất bản để ngày càng nâng cao chất lượng dịch phẩm và giúp người đọc Việt Nam tiếp cận được với những tác phẩm có chất lượng của văn học thế giới.

Nhìn chung, dẫu còn có những tồn tại, hạn chế nhưng dịch văn học càng ngày càng phát triển mạnh, luôn luôn cập nhật, có nhiều đóng góp cho văn học nước nhà trong thời kỳ hội nhập, đặc biệt là hướng đến sự phát triển của ngành công nghiệp văn hoá. Các tác phẩm văn học dịch đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của công chúng nước ta và trên thực tế văn học dịch đã trở thành một bộ phận không thể tách rời của văn học Việt Nam.

c) Lý luận, phê bình văn học

Trong nhiều năm qua, công tác lý luận, phê bình văn học nghệ thuật đã đạt được một số thành tựu quan trọng. Vai trò của lý luận, phê bình văn học đã được phát huy, tác động nhiều mặt tới hoạt động sáng tác, định hướng thị hiếu và nâng cao trình độ thẩm mỹ của công chúng. Công tác nghiên cứu có nhiều đổi mới, khoa học, tiếp thu và vận dụng sáng tạo những nền tảng lý thuyết, kinh nghiệm của thế giới.

Có thể thấy rằng, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm và tạo điều kiện cho hoạt động lý luận, phê bình để thúc đẩy sự phát triển của nền văn học nghệ thuật Việt Nam. Nhờ vậy hoạt động lý luận, phê bình văn học đã phát huy vai trò định hướng giá trị xã hội, định hướng sáng tác, là cầu nối giữa sáng tạo và tiếp nhận, tác động sâu sắc đến thị hiếu của công chúng văn nghệ. Các cây bút lý luận, phê bình luôn đồng hành cùng hoạt động sáng tác, phân tích, đánh giá những giá trị tư

tưởng và thẩm mỹ của tác phẩm; dự báo, cổ vũ những xu hướng phát triển lành mạnh, đúng đắn, đồng thời cảnh báo, đấu tranh với những xu hướng, quan điểm sai trái, cực đoan trong đời sống văn học góp phần bảo vệ, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc...

Trong khi chưa có chính sách cụ thể đối với công tác lý luận phê bình văn học, nhiều nhà lý luận, phê bình vẫn đam mê sáng tạo, phát huy trách nhiệm xã hội, trách nhiệm công dân của mình để từng bước góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp và chất lượng của lý luận, phê bình văn học. “Nhiệm vụ nặng nề ấy đòi hỏi các nhà lý luận, phê bình cần tiếp tục dần thân, am hiểu sâu sắc hơn nữa thực tiễn đời sống sáng tác đang vận động nhanh chóng, mỗi văn nghệ sĩ cần nêu cao ý thức trau dồi bản lĩnh chính trị, đề cao dũng khí bảo vệ chân lý, bảo vệ cái đúng, cái hay, cái đẹp, kiên quyết đấu tranh, phê phán những biểu hiện lệch lạc, sai trái trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật”.

Trong các hoạt động thực tiễn, Hội đồng lý luận, phê bình văn học nghệ thuật Trung ương và Hội đồng lý luận phê bình văn học Hội Nhà văn Việt Nam đã có nhiều hoạt động trong việc tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm, mở các lớp bồi dưỡng để phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, truyền đạt các phương pháp nghiên cứu, kiến thức chuyên môn tới đội ngũ, các cán bộ từ Trung ương tới cơ sở. Các Hội đã xây dựng cơ chế chính sách động viên, khuyến khích nghiên cứu khoa học bằng việc xét giải thưởng cho các công trình lý luận, phê bình văn học xuất sắc.

1.2 Các cuộc thi, giải thưởng văn học, trại sáng tác văn học

a) Về cuộc thi, giải thưởng văn học

Các cuộc thi sáng tác văn học được Hội Nhà văn Việt Nam và các cơ quan báo chí triển khai thường xuyên liên tục, cuộc thi sáng tác tiểu thuyết được tổ chức 5 năm/lần; cuộc thi viết tản văn, các cuộc thi hằng năm, cuộc thi viết truyện ngắn Báo văn nghệ; cuộc thi “Cây bút vàng” của Chi hội nhà văn công an; cuộc thi viết về đề tài Công nhân của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được triển khai hằng năm, cuộc thi viết về đề tài thiếu nhi...; Hội Văn học, nghệ thuật địa phương cũng tổ chức các cuộc thi văn chương như: Các hội văn học nghệ thuật Tuyên Quang, Thanh Hóa, Phú Thọ, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, An Giang, Đà Nẵng và Hải Phòng... phát động các cuộc thi truyện ngắn, qua đó, tạo ra phong trào sáng tác sôi nổi thu hút được các tác giả trẻ tham gia sáng tác và nhận được sự chú ý của bạn đọc. Tuy nhiên các cuộc thi chỉ dừng lại việc phát động phong trào, theo tính thời cuộc chưa mang tính định hướng lâu dài gắn bó với sự phát triển của nền văn học nước nhà.

Việt Nam hiện nay đang có một hệ thống phong phú các giải thưởng văn học. Ở quy mô quốc gia định kỳ Nhà nước xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật” và “Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật” là những phần thưởng cao quý dành cho những tác phẩm văn học nghệ thuật đặc biệt xuất sắc, có giá trị cao về văn học, nghệ thuật, về nội dung tư tưởng; là sự ghi nhận và đánh giá của Đảng, Nhà nước và nhân dân đối với văn nghệ sĩ, trí thức đã có nhiều

công hiến, vì sự nghiệp cách mạng, có ảnh hưởng rộng lớn và lâu dài trong đời sống nhân dân, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển nền kinh tế quốc dân. Cũng ở quy mô quốc gia, còn có giải thưởng thường niên của Hội Nhà văn Việt Nam trao tặng cho tất cả các loại hình văn học. Trong những năm gần đây, Hội Nhà văn Việt Nam còn có Giải thưởng Trẻ nhằm phát hiện và tôn vinh những tài năng trẻ trong tất cả các thể loại và loại hình văn học. Ngoài các giải thưởng thường niên, Hội còn có những giải thưởng mang tính định kì như giải thưởng tiêu thuyết 5 năm/lần. Hằng năm, còn có hai giải thưởng khác rất quan trọng liên quan đến lĩnh vực văn học là Giải thưởng của Hội đồng Lý luận phê bình văn học nghệ thuật Trung ương trao cho các công trình lí luận, phê bình văn học xuất sắc và Giải thưởng sách quốc gia hạng mục sách văn hóa, văn học, nghệ thuật. Bên cạnh các giải thưởng nói trên, cũng phải kể đến hệ thống giải thưởng của các Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật ở các địa phương, giải thưởng của các báo, tạp chí chuyên ngành; giải thưởng về văn học của các lực lượng vũ trang; giải thưởng của các tổ chức chính trị, xã hội và các đoàn thể...³.

Giải thưởng và những cuộc thi văn học đã có tác dụng quan trọng trong việc phát hiện và khẳng định những tài năng văn chương, đặc biệt là những cây bút trẻ; tôn vinh những tìm tòi độc đáo về tư tưởng và nghệ thuật; thúc đẩy giao lưu văn học và những tìm tòi mới trong lý luận, phê bình; thúc đẩy sáng tác về lịch sử dân tộc, về chiến tranh cách mạng, về những vấn đề xã hội, gắn văn học với hiện thực đời mới đất nước, đồng thời tôn vinh những nhà văn đã có đóng góp xứng đáng cho sự phát triển của văn học nghệ thuật đất nước, có các tác phẩm văn học giá trị trong sự nghiệp.

b) Về Trại sáng tác văn học

Để đánh giá về vai trò tích cực của trại sáng tác cũng như việc phát huy đời mới, tăng cường hiệu quả của trại sáng tác các đơn vị tổ chức (bao gồm các cơ quan quản lý nhà nước, các Hội Văn học nghệ thuật từ Trung ương đến địa phương) đã thường xuyên tổ chức các hội thảo chuyên sâu bàn về đời mới tổ chức các trại sáng tác văn học nghệ thuật, nâng cao hiệu quả tác phẩm của các nhà văn tham gia trại sáng tác. Tại các hội thảo, các nhà văn đã đánh giá cao vai trò quan trọng của việc tổ chức trại sáng tác, qua đó tạo môi trường thuận lợi để sáng tạo ra những tác phẩm có giá trị. Trại sáng tác được ví như là “chiếc nôi”, là “bà đỡ” để các nhà văn cho ra đời những “đứa con tinh thần” của mình⁴.

Mô hình tổ chức và những đời mới trong tổ chức của hoạt động trại sáng tác nhiều năm qua đã phát huy được hiệu quả tích cực. Mỗi năm có hàng nghìn văn

³ Giải thưởng “Cây bút tuổi hồng” dành cho lứa tuổi học trò của Trung ương Đoàn, Hội đồng Đội Trung ương trao hằng năm cho các em; Giải thưởng thiếu nhi Dế mèn do Báo thể thao và văn hoá - Thông tấn xã Việt Nam tổ chức bắt đầu từ năm 2020;

⁴ Hiện Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có 7 sở sở để tổ chức trại sáng tác: Đại Lải, Tam Đảo, Đà Nẵng, Vũng Tàu, Đà Lạt, Nha Trang, Cần thơ. Mỗi năm tổ chức từ 60 đến 80 lượt Trại cho các loại hình: Văn học, Văn học dân gian, Văn học miền núi... quy tụ từ 1.000 đến 1.200 văn nghệ sĩ trên toàn quốc. Riêng năm 2019, có 70 trại thường niên và 10 trại chuyên sâu với sự tham gia của 1.146 tác giả. Tổng số tác phẩm là 4.275 tác phẩm (Văn học: 2.188 tác phẩm; Văn học dân gian: 64 tác phẩm; Văn học miền núi: 196 tác phẩm). Các tác phẩm được đánh giá cao sẽ được tuyên truyền quảng bá, trưng bày tác phẩm theo định kỳ 02 năm/ lần từ năm 2017

nghệ sĩ đến trại sáng tác. Số lượng tác phẩm nhân lên tới hàng nghìn tác phẩm thuộc nhiều loại hình, thể loại. Nhiều trại sáng tác chưa quan tâm đến tính chuyên môn ở từng loại hình sáng tác, trong việc chủ động sáng tạo, thiếu đề xuất để nâng cao chất lượng hoạt động của trại sáng tác. Có những trại sáng tác còn có hiện tượng dễ dãi trong việc lựa chọn đối tượng tham dự trại. Nhiều trại, tỉ lệ độ tuổi giữa già và trẻ còn chênh lệch, trẻ ít, già nhiều. Sự lựa chọn trại viên ít tính đến năng lực, sở trường, sở đoản của đối tượng đối với định hướng yêu cầu tác phẩm. Việc quán triệt mục đích, mục tiêu, nội dung chuyên đề, đề tài sáng tác cho đến việc thu hoạch chất lượng sản phẩm còn lỏng lẻo. Nội dung, hình thức tổ chức trại chưa phong phú, hấp dẫn để nâng cao sự hiểu biết, trình độ, kinh nghiệm chuyên môn cho trại viên; trong thời gian dự trại thường tổ chức các hoạt động như: đi thực tế vùng miền thưởng thức các danh lam thắng cảnh, các di tích lịch sử, thưởng thức các chương trình văn học nghệ thuật, các cuộc hội thảo, tọa đàm, giao lưu... Do vậy, nhiều trại sáng tác mở ra nhưng vẫn chưa đạt được kết quả như kỳ vọng; một số đơn vị có chức năng tổ chức trại cũng không quan tâm vì cho rằng việc tổ chức trại vừa tốn kém mà lại ít hiệu quả.

1.3. Quảng bá văn học

Có thể nói, trong khoảng mười năm trở lại đây, các hoạt động giới thiệu, quảng bá văn học đã đạt có những bước phát triển tích cực ở cả hai chiều: các hoạt động quảng bá văn học trong nước và các hoạt động giới thiệu văn học Việt Nam ra nước ngoài. Đối với các hoạt động quảng bá văn học trong nước, có thể nói, cho đến nay, với sự phát triển của công nghiệp văn hóa, quy trình quảng bá tác phẩm văn học mới đã được các nhà xuất bản, các đơn vị phát hành sách cũng như các đơn vị tài trợ tổ chức một cách bài bản, chuyên nghiệp, tiệm cận với quy trình theo thông lệ quốc tế với các hoạt động giao lưu, giới thiệu được tổ chức ngay khi sách được xuất bản cũng như các chiến dịch truyền thông được tổ chức một cách chuyên nghiệp. Đối với các hoạt động quảng bá văn học Việt Nam ra nước ngoài, trong thời gian vừa qua, ở quy mô quốc gia, các Hội nghị quảng bá văn học Việt Nam ra nước ngoài đã được Hội nhà văn chủ trì tổ chức và đạt được những thành tựu nhất định, bước đầu tạo đặt nền móng cho việc giới nghiên cứu, dịch thuật, xuất bản nước ngoài có sự tiếp xúc với những giá trị của văn học Việt Nam. Việt Nam thường xuyên hiện diện trong các Hội chợ sách lớn trên thế giới và nhờ đó, văn học Việt Nam có những thuận lợi nhất định trong việc tiếp xúc với giới xuất bản nước ngoài. Một số nhà xuất bản ở Việt Nam cũng đã bước đầu xây dựng được chương trình giới thiệu văn học Việt Nam ở nước ngoài. Bên cạnh đó, bằng kết nối cá nhân, một số nhà văn, dịch giả và nhà xuất bản đã giới thiệu được nhiều tác phẩm văn học Việt Nam ra thế giới.

Việc giới thiệu và quảng bá văn học Việt Nam ra nước ngoài là một phần quan trọng trong xu thế hội nhập, không chỉ vì lợi ích của riêng Việt Nam mà còn đáp ứng nguyện vọng tìm hiểu văn học Việt Nam, văn hóa Việt Nam của bạn bè quốc tế, góp phần vào việc hoàn thiện bức tranh văn học rộng lớn của nhân loại.

1.4. Văn học trên môi trường số và không gian mạng

Việt Nam chính thức kết nối với mạng lưới internet toàn cầu vào năm 1997. Tuy vậy, phải đến đầu thế kỉ 21, nhờ những tiến bộ của khoa học và công nghệ trong việc phổ biến công nghệ thông tin, tăng tốc độ đường truyền, hạ giá thành thiết bị đầu cuối (máy tính, laptop, smartphone), thì mạng internet mới thực sự gắn bó chặt chẽ và trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống xã hội ở Việt Nam. Văn học không nằm ngoài sự vận động chung đó. Internet và không gian mạng đã tạo nên một không gian tồn tại mới, phi truyền thống của văn học bên cạnh không gian xuất bản truyền thống dưới dạng ấn phẩm định kì và không định kì. Thậm chí, một số nhà nghiên cứu đã nói đến một nền “văn học mạng” ở Việt Nam do sự phổ biến của văn học trên mạng internet. Dù quan niệm này vẫn chưa được chính thức công nhận nhưng cũng có thể thấy môi trường văn học trên không gian mạng là một môi trường tồn tại rất phổ biến ở Việt Nam hiện nay. Các dạng thức tồn tại của văn học trên mạng internet bao gồm: Website của các tổ chức, hội đoàn, cơ quan báo chí, nhóm cá nhân và cá nhân có liên quan hoặc chuyên hoạt động văn học. Hiện nay, hầu hết các tờ báo lớn, các nhà xuất bản chuyên về văn học hoặc có đăng tải sáng tác văn học, đều có bản điện tử miễn phí (đa số) hoặc có thu phí. Các hội nghề nghiệp liên quan đến văn học như Hội Nhà văn, Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật, các Chi hội của Hội Nhà văn ở một số địa phương đều có website chính thức. Các website này chủ yếu đăng tải thông tin hoạt động, tác phẩm mới; các trao đổi về văn học và một số có đăng tải sáng tác. Ngoài ra các cá nhân và nhóm cá nhân (câu lạc bộ những người yêu thơ văn, hội nhóm những người yêu văn học) đều có thể lập website và lưu hành trên không gian mạng để trao đổi thông tin và công bố sáng tác. Bên cạnh đó, internet cũng kết nối người Việt Nam với các website của các nhà xuất bản, cá nhân, tổ chức ở nước ngoài hoạt động văn học. Trong những năm đầu thế kỉ 21, có một số website thuộc các pháp nhân trong và ngoài nước chuyên về văn học như Evan, Tienve, Talawas, Damau, Hopluu... Tuy vậy, cho đến nay, do những khó khăn về kinh phí duy trì hoạt động, đa số các website này đều đã đóng cửa.

Các thư viện lớn ở Việt Nam (Thư viện quốc gia Việt Nam) và thế giới (điển hình là Thư viện quốc gia Pháp) đã từng bước số hóa thư khố và đưa lên không gian mạng để người đọc toàn cầu có thể truy cập trực tuyến. Có thể nói, đây là những thư viện trên không gian mạng với số lượng tác phẩm rất lớn và luôn được tiếp tục bổ sung. Ngoài ra, các cá nhân và tổ chức cũng có thể xây dựng các thư viện trên không gian mạng này và đưa lên không gian trên không gian mạng để người đọc truy cập miễn phí hoặc có tính phí.

Bên cạnh các thư viện văn học trực tuyến thì cũng đã xuất hiện các trang cung cấp ấn bản điện tử tác phẩm văn học dưới dạng ebook. Những trang này thuộc về các tổ chức, doanh nghiệp có pháp nhân hoặc đôi khi không có pháp nhân, có thu phí hoặc không thu phí. Ngoài hình thức ebook, hiện nay đang phát triển mạnh song song cả hình thức sách nói (audiobook, postcad) đọc tác phẩm văn học, lưu hành trên các website, mạng xã hội chia sẻ videos (Youtube), ứng dụng (app) và các nền tảng chia sẻ file media khác.

Trong 10 năm gần đây, với sự phát triển của mạng xã hội (chủ yếu là Facebook), mạng xã hội trở thành môi trường tồn tại đặc thù của văn học. Các Tổ chức, hội đoàn, cơ quan báo chí, nhóm cá nhân và cá nhân có liên quan hoặc chuyên hoạt động văn học, bên cạnh website cũng đã xây dựng các fanpages hoặc tài khoản cá nhân trên Facebook. Những fanpages và tài khoản cá nhân này đưa tin về hoạt động văn học, tạo diễn đàn trao đổi về các vấn đề liên quan đến văn học và công bố tác phẩm dưới dạng toàn văn hoặc một phần.

Không gian mạng đã tạo nên một số tác động tích cực đến sự phát triển của văn học như sau:

Không gian mạng tạo ra một phương thức công bố tác phẩm văn học mới: công bố trên không gian mạng. Bên cạnh việc xuất bản truyền thống trên các kênh chính thống trong nước, người viết có thể có nhiều hình thức mới trong việc công bố tác phẩm thông qua internet: công bố một phần hoặc toàn văn trên các website, trang cá nhân, fanpages, tài khoản mạng xã hội cá nhân và tổ chức; công bố dạng sách truyền thống và sách điện tử tại các nhà xuất bản nước ngoài rồi phổ biến ngược lại vào trong nước thông qua internet.

Internet tạo ra những phương thức mới trong việc tiếp nhận tác phẩm văn học bên cạnh các phương thức truyền thống (sách, báo, tạp chí, radio): tiếp nhận thông qua các sản phẩm kỹ thuật số bao gồm ấn bản điện tử (ebook), sách nói (audiobook, podcast) và các hình thức mang tính liên phương tiện (multimedia, kết hợp nội dung ngôn ngữ với các nội dung nghe nhìn). Phương thức tồn tại này có lợi thế là phù hợp với đời sống của con người hiện đại, gọn nhẹ, gắn với các thiết bị công nghệ hiện đại như smartphone, computer, laptop.

Việc số hóa các tác phẩm văn học tạo điều kiện thuận lợi cho công chúng dễ dàng tiếp cận với văn học thông qua các thiết bị công nghệ hiện đại. Phạm vi số hóa mở rộng bao gồm cả văn học truyền thống và văn học hiện đại/đương đại, cả văn học Việt Nam và văn học thế giới, cả văn học do người Việt trong nước và người Việt ở nước ngoài viết.

Không gian mạng tạo điều kiện tăng cường quan hệ giao lưu giữa nhà văn, giới lý luận, phê bình và độc giả. Nhà văn qua đó cũng có thuận lợi trong việc giao lưu với độc giả. Tuy vậy, việc tồn tại không gian mạng cũng chưa đến mức thay đổi hoàn toàn phương thức tồn tại của văn học bởi lẽ chưa có bất cứ nhà văn nào xuất hiện chỉ trên không gian mạng. Không gian mạng có thể tạo nên bước khởi đầu cho một số nhà văn mới nhưng đích đến cuối cùng của các nhà văn vẫn là các phương thức xuất bản truyền thống. Nhà văn chủ yếu sử dụng không gian mạng để công bố trích đoạn, thu hút sự quan tâm của công chúng và từ đó, quảng bá cho ấn phẩm truyền thống khi được xuất bản.

1.5. Bảo tồn và phát huy di sản văn học dân tộc

Bảo tồn và phát huy di sản văn học dân tộc là bộ phận không thể tách rời của sự phát triển của nền văn học Việt Nam. Thời gian qua, các Hội Văn học nghệ thuật từ Trung ương đến địa phương đã tham mưu xây dựng nhiều các chương trình, đề án để bảo tồn phát huy di sản văn học dân tộc cụ thể: Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị tác phẩm văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam” giai đoạn I (2015 - 2020), thông qua đề án đã tạo động lực để các tác giả sáng tác ra nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật mang bản sắc các dân tộc Việt Nam, kết quả đã biên tập, biên soạn và phát hành khoảng 1.500 công trình, tác phẩm được chọn lọc từ kho tài liệu hơn 2.500 tác phẩm, công trình đã được nghiên cứu, sưu tầm, sáng tác; xuất bản 1.500 sách điện tử được chuyển từ 1.500 tác phẩm. Ngoài ra, còn xây dựng bộ sách gồm 54 sách 3D của 54 dân tộc, giới thiệu về những đặc trưng của từng dân tộc, ngôn ngữ, địa bàn cư trú, phân bố dân cư, hoạt động nghề nghiệp... Tất cả sản phẩm sách điện tử, sách 3D, phim tài liệu, phim chuyên đề... sẽ được bảo tồn thông qua việc số hóa, hệ thống hóa và cung cấp trong thư viện giúp người đọc dễ dàng xem và truy cập dữ liệu một cách tốt nhất, nhanh nhất và khoa học nhất.

Có thể nói, việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn học dân tộc và phổ biến tác phẩm văn học tiêu biểu của Việt Nam thông qua các chương trình, đề án, hội thảo chuyên đề ... đã nâng cao năng lực, chuyên môn nghiệp vụ, phát huy khả năng sáng tạo văn học của nhà văn, trang bị kiến thức cơ bản cho nhà văn trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, tham mưu, tổng hợp về lĩnh vực văn hóa, văn học dân tộc Việt Nam.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp

2.1. Những tồn tại, hạn chế.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế khiến sự phát triển của văn học bị kìm hãm, chưa xứng tầm với những kì vọng của Đảng và Nhà nước cũng như của nhân dân về một nền văn học tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Trước hết, ở tầm vĩ mô, mặc dù văn học là một lĩnh vực đặc thù của đời sống văn nghệ, là một loại hình đặc biệt trong các loại hình nghệ thuật, hoạt động văn học đang được điều chỉnh bởi nhiều Luật khác nhau như: Luật Xuất bản, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Thư viện, Luật Di sản văn hoá nhưng vẫn còn một nhóm các quan hệ xã hội trong lĩnh vực văn học chưa được điều chỉnh bởi một văn bản quy phạm pháp luật riêng như: đặt hàng, tài trợ cho sáng tác văn học, dịch tác phẩm văn học, giới thiệu, quảng bá văn học, cuộc thi, trại sáng tác văn học, cơ chế trưng cầu chuyên gia trong việc thẩm định các vấn đề phát sinh trong đời sống văn học, cụ thể hóa những hành vi bị cấm trong lĩnh vực văn học...

- Về các chính sách hỗ trợ của Đảng và Nhà nước cho sự phát triển văn học, một số chính sách về đầu tư kinh phí cho hoạt động văn học chưa đúng tầm, đúng mức, còn bất cập: như cơ chế khuyến khích, hỗ trợ sáng tác văn học; tạo môi trường thuận lợi, lành mạnh cho văn học phát triển, đầu tư cho giới thiệu quảng bá các tác giả, tác phẩm văn học trong và ngoài nước vẫn còn hạn chế; chủ trương tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với phát triển văn hóa, văn học nghệ thuật chưa được thực hiện nghiêm túc.

- Vẫn đang thiếu một hệ thống quy định chặt chẽ và thống nhất về quy trình đặt hàng, tài trợ sáng tác cũng như một cơ chế trong việc tăng cường quản lý nhà

nước trong việc sử dụng ngân sách nhà nước đặt hàng, hỗ trợ sáng tác khiến các chương trình này vẫn còn tình trạng phân tán nguồn lực, các tác phẩm được đặt hàng, hỗ trợ sáng tác tuy phong phú về số lượng nhưng chất lượng vẫn chưa cao, số lượng tác phẩm là kết quả của các chương trình này lọt vào những giải thưởng văn học uy tín vẫn hết sức hạn chế. Một số các chương trình đặt hàng, hỗ trợ sáng tác chưa đạt được như kì vọng, chưa thực sự góp phần tạo nên tác phẩm lớn, có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật.

- Hoạt động trại sáng tác mặc dù được tổ chức thường xuyên nhưng hiệu quả cũng chưa thực sự tương xứng với kì vọng của các đơn vị tổ chức. Số lượng tác phẩm có chất lượng tốt được khẳng định qua thành công về doanh số xuất bản và thành công trong các Giải thưởng văn học kết quả của các trại sáng tác vẫn còn rất hạn chế. Chất lượng, hiệu quả sáng tác còn mang tính đại trà, các tác phẩm khi xét giải của Hội chuyên ngành đa phần đứng ở hạng giải thấp. Còn rất nhiều vấn đề trong việc lựa chọn nhà văn tham gia trại sáng tác, việc nâng cao chất lượng chuyên môn của trại sáng tác, việc kiểm soát sản phẩm của các thành viên tham gia trại sáng tác cũng như trong phương thức tổ chức trại (nặng tính hình thức, tính phong trào, đại trà, thiếu những hình thức tổ chức mang tính cá nhân, đáp ứng nhu cầu sáng tác đa dạng của nhà văn) khiến hoạt động tổ chức các trại sáng tác nhiều khi mở ra mà vẫn chưa đạt được kì vọng; việc tổ chức trại vừa tốn kém lại vừa hạn chế về hiệu quả.

- Hệ thống giải thưởng và các cuộc thi văn học vẫn còn tồn tại một số vấn đề như: do trao giải thưởng theo năm mà số lượng tác phẩm có giá trị hàng năm không phải lúc nào cũng đồng đều ảnh hưởng đến chất lượng giải; chất lượng của giải thưởng chưa đồng đều; hiện nay đã manh nha và bắt đầu xuất hiện hiện tượng các tổ chức hoạt động ngoài sự cho phép của pháp luật để tổ chức và trao giải thưởng, lợi dụng hệ thống giải thưởng phục vụ cho những mục tiêu ngoài văn học, lợi dụng văn học để thực hiện trái pháp luật; hệ thống giải thưởng quốc gia 5/năm một lần quá lâu và cao khiến nhiều khi chưa kịp thời tôn vinh những nhà văn khi còn đang còn sức sáng tác; hệ thống thủ tục đôi chỗ, đôi lúc nặng tính hành chính, việc giới thiệu, tôn vinh các tác phẩm văn học đôi khi chưa rõ ràng cũng ảnh hưởng đến chất lượng giải thưởng. việc tổ chức các cuộc thi, giải thưởng văn học còn rất hạn chế chưa tạo được động lực cho các tác giả tham gia sáng tác, các giải thưởng chưa hấp dẫn các lực lượng tham gia sáng tác, nhiều cuộc thi, giải thưởng chỉ mang tính thời cuộc, chưa tạo được động lực cho đội ngũ sáng tác văn học tham gia sáng tạo văn học để có các tác phẩm văn học xứng tầm với thời cuộc và sự phát triển của xã hội.

- Về các hoạt động sáng tác văn học, một số lĩnh vực trong sáng tác như sáng tác về các đề tài mang tính chính luận, về công cuộc đổi mới đất nước, về đề tài lịch sử và chiến tranh cách mạng chưa phát triển như kì vọng được thể hiện trong các Nghị quyết chuyên đề về văn hóa văn nghệ của Đảng cũng như những chương trình lớn của Nhà nước. Tuy đời sống văn học phong phú về số lượng tác phẩm nhưng vẫn thiếu những tác phẩm có chiều sâu tư tưởng và nghệ thuật, có tầm vóc lớn phản ánh lịch sử và hiện tại của đất nước.

- Về các hoạt động dịch văn học, hiện nay, tình trạng "nhập siêu văn hóa" đã không còn là hiện tượng mới lạ. Trong lĩnh vực văn học hầu như các đầu sách bán chạy trên thế giới đều đã có mặt ở Việt Nam, thậm chí xuất bản cùng lúc với nhiều quốc gia khác thì ngược lại sách văn học trong nước xuất hiện còn khá nhỏ giọt trên thị trường sách thế giới. Phần đông độc giả quốc tế còn khá xa lạ, mơ hồ về văn học Việt Nam. Mặc dù Đảng và Nhà nước có chủ trương và đầu tư cho việc đưa văn học Việt Nam ra nước ngoài nhưng hiệu quả của những Hội nghị quảng bá văn học vẫn còn rất hạn chế, việc quảng bá văn học Việt Nam ra thế giới vẫn chưa tương xứng với giá trị của văn học Việt Nam, được thực hiện phần nhiều là dựa trên những quan hệ và sáng kiến cá nhân hoặc bị lệ thuộc vào kế hoạch của đối tác nước ngoài mà thiếu sự chủ động từ phía Việt Nam.

- Về các hoạt động lý luận, phê bình văn học, công tác lý luận, phê bình đang tỏ ra trầm lắng, chưa phát huy hết vai trò và sức mạnh của mình. Trong khi những hạn chế từ lâu tích tụ chưa được giải quyết thì thực tiễn lại đang xuất hiện những vấn đề mới và đặt ra những thách thức mới. Sự thiếu hụt về đội ngũ phê bình, lý luận lĩnh vực văn học diễn ra từ nhiều năm qua, đã được chỉ ra nhưng các giải pháp khắc phục chưa thực sự hiệu quả. Môi trường sinh hoạt đội ngũ lý luận, phê bình thiếu vắng tinh thần khoa học, tranh luận và đối thoại, vốn là một trong những đặc trưng bản chất của lý luận, phê bình. Trước hàng loạt sự kiện, hiện tượng nóng bỏng và những vấn đề quan trọng của đời sống văn học, lý luận, phê bình nhiều khi còn lúng túng, thiếu nhạy bén chính trị, chưa kịp thời, thậm chí còn mơ hồ trong nhận định, đánh giá và lý giải...

- Việc số hóa tác phẩm văn học Việt Nam và đưa lên không gian mạng hiện nay được thực hiện một cách manh mún, thiếu tổ chức, phụ thuộc vào ý chí của các cơ quan, tổ chức. Chính vì vậy nên việc tiếp cận văn học Việt Nam trên không gian mạng vẫn còn rất nhiều khó khăn. Những tác phẩm tinh hoa, tiêu biểu của văn học Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử vẫn chưa được giới thiệu một cách có hệ thống trên không gian mạng. Bên cạnh đó, việc xây dựng cơ sở dữ liệu số về văn học Việt Nam (tác giả, tác phẩm, nhận định, đánh giá) để giới thiệu trên không gian mạng vẫn chưa được tiến hành một cách có quy hoạch bài bản, có đầu tư trọng điểm và dài hơi. Điều đó dẫn đến sự hạn chế trong việc tận dụng không gian mạng để quảng bá văn học Việt Nam. Việc cung cấp thông tin về văn học Việt Nam đương đại và chuyển ngữ sang các thứ tiếng thông dụng trên thế giới để đưa lên không gian mạng vẫn còn nhiều hạn chế, nếu không muốn nói là hoàn toàn thiếu vắng. Điều này khiến việc tận dụng không gian mạng để quảng bá văn học đương đại, giới thiệu xuất bản tại nước ngoài vẫn còn nhiều khó khăn.

- Trong lĩnh vực bảo tồn và phát huy di sản văn học dân tộc, tuy việc bảo tồn và phát huy di sản văn học Việt Nam đã được quan tâm thông qua các chương trình, đề án, nhưng công tác bảo tồn phát huy văn học tại Việt Nam vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn, nhà nước cần phải tiếp tục nghiên cứu tạo ra các cơ chế, chính sách mạnh mẽ để bảo tồn, phát huy các giá trị văn học Việt Nam trong tổng thể phát triển nền văn hóa Việt Nam. Theo Điều 23 Luật Di sản Văn hoá Nhà nước có chính sách khuyến khích việc sưu tầm, biên soạn, dịch thuật,

thống kê, phân loại và lưu giữ các tác phẩm văn học, ngữ văn truyền miệng, di sản dân gian của cộng đồng các dân tộc Việt Nam để lưu truyền trong nước và giao lưu văn hóa với nước ngoài. Tuy nhiên, để cụ thể hoá lĩnh vực văn học theo như Luật Di sản Văn hóa các cơ quan quản lý Nhà nước cần nghiên cứu đến việc đưa các di sản văn học, văn học dân gian Việt Nam vào bảo tàng để bảo tồn phát huy giá trị văn học; tuyên truyền phổ biến văn học trong nhân dân thông qua ngữ văn truyền miệng; xây dựng dữ liệu số hoá, xuất bản sách văn học quý của dân tộc trên không gian mạng và hệ thống các thư viện.

2.2. Nguyên nhân

Những tồn tại, hạn chế nói trên xuất phát từ một số nguyên nhân như sau:

- Trước hết, cần phải thấy trong bối cảnh văn hóa đại chúng và thị trường văn hóa hiện nay, văn học đang bị những loại hình văn hóa, nghệ thuật mang tính nghe nhìn cạnh tranh mạnh mẽ. Điều đó khiến cho vị trí vốn đã từng có của văn học trong đời sống văn hóa không khỏi bị cạnh tranh. Vậy mà, nhìn vào đời sống văn học, dường như việc chuẩn bị cho văn học phát triển trong bối cảnh công nghiệp văn hóa, thị trường văn hóa vẫn chưa được thực hiện tốt từ cấp vĩ mô là các chương trình, chính sách của Nhà nước đến cấp vi mô là hoạt động sáng tạo của nhà văn.

- Đứng về mặt quản lý nhà nước, vẫn thiếu một hệ thống chính sách chuyên biệt từ các văn bản mang tính quy phạm pháp luật đến những chính sách hỗ trợ riêng cho văn học, đáp ứng được tính đặc thù của văn học. Trong khi các bộ môn nghệ thuật khác đã có luật chuyên ngành hoặc hệ thống Nghị định hướng dẫn xử lý các vấn đề phát sinh thì hệ thống quy phạm pháp luật chuyên biệt vẫn còn thiếu vắng trong lĩnh vực văn học. Nhận thức về tầm quan trọng của văn học và sự cần thiết của việc khuyến khích văn học phát triển không phải lúc nào cũng thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Vẫn còn thiếu vắng những chương trình lớn mang tầm quốc gia về hỗ trợ sáng tác, quảng bá văn học Việt Nam ở nước ngoài, hỗ trợ xuất bản văn học, hỗ trợ văn học trong hệ thống thư viện, hỗ trợ số hóa và giới thiệu văn học trên không gian mạng, về lý luận phê bình văn học và dịch văn học nước ngoài, về bảo tồn và phát huy di sản văn học dân tộc.

- Nhận thức và vận dụng tư duy lý luận, các quan điểm của Đảng trong việc phát triển văn học của những người làm công tác quản lý còn hạn chế, chưa phát huy hết vai trò, chức năng của văn học, chưa có nhiều đổi mới, vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách để khuyến khích động viên đội ngũ sáng tác phát huy khả năng sáng tác. Nhận thức của bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cán bộ chủ chốt, người đứng đầu địa phương về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của văn học còn hạn chế; chưa xác định rõ trách nhiệm đóng góp xây dựng và phát triển văn học; nhiều nơi còn lúng túng, chưa có kế hoạch, giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện, phát triển hoạt động văn học. Chưa có cơ chế chính sách, văn bản pháp lý cụ thể khuyến khích phát triển hoạt động văn học, biên chế cán bộ, chuyên viên làm công tác văn học tại các cơ quan quản lý nhà nước và địa phương vẫn còn thiếu, hầu hết cán bộ phải kiêm nhiệm nhiều việc.

- Sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp uỷ, chính quyền địa phương còn chưa tốt; chưa tạo điều kiện thuận lợi cho văn nghệ sĩ địa phương phát huy khả năng sáng tạo; chưa tập hợp được sức mạnh của tập thể văn nghệ sĩ phục vụ cho nhiệm vụ chính trị của địa phương. Cơ chế chính sách cho Hội hoạt động và phát triển văn học có nội dung chưa thật phù hợp. Việc thể chế hoá Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị về “Xây dựng, phát triển văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới” chưa được kịp thời; kinh phí được cấp còn hạn hẹp, cơ sở vật chất còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Công việc xuất bản, công bố tác phẩm hiện nay chủ yếu vẫn là do tác giả tự thực hiện, nhiều tác phẩm in ra không đến được độc giả, chưa khích lệ được nhiệt tình và đam mê sáng tạo của lực lượng sáng tác hiện nay.

- Đầu tư cho phát triển văn hóa nói chung, lĩnh vực văn học nói riêng còn hạn chế so với các lĩnh vực khác, chưa tương xứng với việc phát triển xã hội. Những tác động mặt trái của kinh tế thị trường với lối sống thực dụng cùng sự bùng nổ của công nghệ thông tin và các trang mạng xã hội đã làm ảnh hưởng mạnh mẽ tới văn hóa đọc truyền thống, phần nào thu hẹp lượng độc giả, khán giả của văn học nghệ thuật nói chung, để dung hợp hài hòa giữa nghệ thuật truyền thống và hiện đại ảnh hưởng đến quá trình sáng tạo của giới văn nghệ sĩ cả hiện tại và tương lai. Chủ trương trẻ hóa hội viên của các Hội, chi hội nhà văn còn chậm; một số ít hội viên chưa hoạt động chủ động, tích cực. Việc xã hội hóa các hoạt động văn học trong thời gian qua đã có những bước chuyển biến. Tuy nhiên, phần lớn là trông chờ vào nguồn kinh phí từ nhà nước, chưa chú trọng đến công tác xã hội hóa để nâng cao hoạt động văn học phục vụ công chúng.

- Đứng về mặt đội ngũ sáng tác, có nhiều tồn tại khiến đời sống văn học chưa phát triển được như kì vọng. Đội ngũ sáng tác văn học còn hạn chế. Nhận thức, vốn sống, tầm nhìn của nhà văn chưa theo kịp với những chuyển động sôi động, rộng lớn, nhanh chóng của hiện thực đất nước; tác động của thị trường, của hội nhập là rất lớn, tinh vi, cuốn hút một bộ phận nhà văn thiếu từng trải. Tài năng và tâm huyết, sự gắn thân cùng với vốn văn hóa, vốn sống chưa được bồi đắp thường xuyên. Nhiều nhà văn chưa thực sự bám sát hiện thực để nắm bắt và sáng tác. Chưa khuyến khích lực lượng sáng tác văn học tham gia cống hiến với những tác phẩm lớn, có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật. Đội ngũ làm công tác chuyên môn, theo dõi và quản lý các hoạt động văn học chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về trình độ chuyên ngành đào tạo, hiểu biết về văn học còn hạn chế. Đội ngũ sáng tác phần là tuổi đã cao, năng lực sáng tạo ngày càng giảm. Trong khi đó lực lượng kế cận còn mỏng và chưa có nhiều nhân tố mới để đảm đương được sự bàn giao thế hệ các nhà văn; phát triển văn học nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng, không đồng đều về chất lượng, lực lượng trẻ ít, số người làm công tác nghiên cứu lý luận phê bình quá ít, công việc đòi hỏi chuyên môn sâu; cán bộ quản lý lĩnh vực này còn thiếu, nhất là người có tài năng và uy tín nghề nghiệp cao. Mặc dù hiện nay, trình độ học vấn của nhà văn, dịch giả văn học và người làm công tác lý luận phê bình văn học đã được nâng cao nhưng vấn đề đào tạo vẫn còn là một vấn đề còn nhiều hạn chế, đặc biệt đối với đội ngũ người làm công tác sáng tác văn học. Số lượng cơ sở đào tạo sáng tác văn học chưa nhiều, phương thức đào tạo vẫn chưa

phong phú về hình thức để đáp ứng nhu cầu đa dạng về sáng tác của người viết muốn bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ.

2.3. Giải pháp

- Xây dựng các quy định cụ thể về các hoạt động tài trợ, đặt hàng, tổ chức trại sáng tác, thi sáng tác bao gồm quy định về quyền và nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức tiến hành tài trợ, đặt hàng, tổ chức trại sáng tác, thi sáng tác; tiêu chuẩn, điều kiện để có thể tiến hành tài trợ, đặt hàng, tổ chức trại sáng tác, thi sáng tác; quy định cụ thể về các bước tiến hành các hoạt động nói trên. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và một số tổ chức đặt hàng khác có trách nhiệm tiến hành chủ trì các hoạt động tài trợ, đặt hàng, tổ chức trại sáng tác, cuộc thi sáng tác có kinh phí lấy từ nguồn ngân sách Nhà nước.

- Tạo hành lang pháp lý phù hợp để thực hiện hiệu quả chính sách xã hội hóa trong lĩnh vực văn học, huy động hiệu quả nguồn lực trí tuệ và vật chất của các tầng lớp nhân dân, các tổ chức kinh tế - xã hội tham gia xây dựng và phát triển văn học.

- Xây dựng chương trình quốc gia về sách văn học trong hệ thống thư viện. Sách văn học trong hệ thống thư viện bao gồm các tác phẩm văn học trong và ngoài nước có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật đáp ứng nhu cầu hưởng thụ thẩm mỹ và nâng cao trình độ thẩm mỹ của nhân dân trong đó có ưu tiên các đối tượng xã hội đặc biệt (người dân tộc ít người, đối tượng chính sách, lực lượng vũ trang) và các khu vực đặc biệt (miền núi, hải đảo). Việc lựa chọn danh mục sách văn học trong hệ thống thư viện do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì thông qua tư vấn của Hội đồng chuyên môn. Xây dựng quy định về số hóa và trao đổi dữ liệu trong hệ thống thư viện về văn học để tạo điều kiện đa dạng hóa các kênh tiếp xúc văn học. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì chương trình số hóa và trao đổi dữ liệu trong hệ thống thư viện về văn học, giao cho Thư viện quốc gia làm đầu mối tổ chức chương trình. Nguồn ngân sách lấy từ ngân sách Nhà nước và Địa phương dành cho hoạt động thư viện.

- Quan tâm tham mưu các cơ chế nhằm thúc đẩy, hỗ trợ để từng bước nâng cao hiệu quả của trại sáng tác văn học hiện nay. Đa số các trại sáng tác văn học hiện nay ở cấp Trung ương hay địa phương cũng chỉ là một chương trình gặp gỡ giao lưu, trao đổi về văn học, chất lượng chuyên môn cũng như kết quả sau mỗi trại sáng tác vẫn là một vấn đề cần xem xét quan tâm. Vì vậy để nâng cao chất lượng trại sáng tác ngoài các yếu tố trại viên cần phải bổ sung quy định của trại sáng tác phải có Hội đồng chuyên môn đánh giá chất lượng các tác phẩm sáng tác nhất các trại sáng tác cấp quốc gia và khu vực.

- Cần có một Giải thưởng văn học quốc gia trao cho những tác giả có một cụm tác phẩm thể hiện được một cách nhất quán một tìm tòi có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, khẳng định được phong cách nghệ thuật. Việc ban hành quy định Giải thưởng văn học quốc gia sẽ khuyến khích cho đội ngũ sáng tác văn học tham gia sáng tạo văn học để có các tác phẩm văn học xứng tầm với thời cuộc và sự

phát triển của xã hội và tham gia các giải thưởng văn học có uy tín trong khu vực và quốc tế.

- Nhà nước đầu tư triển khai việc số hoá các tác phẩm văn học trong hệ thống thư viện.

- Để có thể kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện các hành vi lợi dụng hoạt động này để vi phạm pháp luật, đối với trại có quy mô toàn quốc, quy mô khu vực, trại do tổ chức, cá nhân nước ngoài tổ chức phải có thể lệ trại sáng tác, thể lệ cuộc thi bao gồm các nội dung: nội dung sáng tác, hội đồng ban giám khảo, hội đồng chuyên môn trại sáng tác... thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi tổ chức, phải thành lập Hội đồng chuyên môn. Thành viên Hội đồng chuyên môn cần phải lấy kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Chú trọng đến tính đặc thù của văn chương. Cần đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao tính chuyên nghiệp, xây dựng các cơ chế chính sách phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm tự do sáng tạo, vừa tạo điều kiện phát huy sự tìm tòi, sáng tạo của nhà văn để có nhiều tác phẩm có giá trị. Hướng tới xây dựng đội ngũ sáng tác trẻ. Chú trọng bồi dưỡng các sáng tác trẻ từ cơ sở đào tạo thuộc ngành sáng tác văn học hiện nay.

- Nâng cao chất lượng phê bình văn học trong thời gian tới, đội ngũ các nhà lý luận phê bình cần phải được quan tâm xây dựng, đào tạo một cách chuyên nghiệp. Các trường đại học, cơ quan nghiên cứu đang gánh vác trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ các nhà phê bình cần đặt mục tiêu từng bước tiệm cận với trình độ của thế giới và phải giữ vững bản sắc riêng, lấy đó làm cơ sở, định hướng để tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chương trình, giáo trình và hoạt động giảng dạy, học tập. Bên cạnh đó, cần sớm hoàn thành việc xây dựng hệ thống lý luận văn nghệ Việt Nam hiện đại, khoa học, đủ sức giải đáp những vấn đề đặt ra trong thực tiễn như Nghị quyết số 23 của Bộ Chính trị khóa X và các văn kiện quan trọng của Đảng đã đề ra.

- Xác định các nội dung trọng tâm của quảng bá và xúc tiến phát triển văn học: quảng bá văn học Việt Nam, môi trường hoạt động văn học, hệ sinh thái sáng tạo văn học gắn với bản sắc văn hóa, đất nước, con người Việt Nam; xây dựng, quảng bá những giá trị văn học tiêu biểu của quốc gia, vùng, địa phương; phát triển thị trường văn học trong và ngoài nước; tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội về văn học gắn với giáo dục về văn học, góp phần đảm bảo môi trường hoạt động văn học an toàn, lành mạnh và văn minh; vận động, tìm kiếm cơ hội, huy động nguồn lực đầu tư phát triển văn học để góp phần nâng cao chất lượng sáng tác văn học Việt Nam.

- Xây dựng chiến lược quốc gia về dịch văn học Việt Nam ra nước ngoài và quảng bá văn học Việt Nam ở nước ngoài. Thực hiện phân cấp việc xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch chương trình giới thiệu, quảng bá văn học xác định rõ trách nhiệm của mỗi cơ quan, tổ chức cá nhân trong việc quảng bá tác phẩm. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan quản lý nhà nước quyết định việc lựa chọn tác phẩm văn học tiêu biểu cho nền văn học Việt Nam để dịch

thuật, giới thiệu, xuất bản tại nước ngoài cũng như tham dự các cuộc thi, giải thưởng văn học ở nước ngoài. Quyết định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch dựa trên đề xuất của hội chuyên ngành về văn học và có tham khảo ý kiến của Hội đồng chuyên môn.

3. Vấn đề liên quan đến đề nghị xây dựng Nghị định

Từ những đánh giá trên đã đặt ra vấn đề phải sớm có quy định cụ thể đối với hoạt động văn học, nhằm cụ thể chế hoá các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng trong văn học; nắm bắt tình hình để tham mưu điều chỉnh, bổ sung những bất cập trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật nhằm phát triển văn học Việt Nam trong thời gian tới như: Hỗ trợ và khuyến khích các hoạt động sáng tác văn học và bảo đảm quyền tự do sáng tác văn học; Góp phần tạo môi trường thuận lợi, lành mạnh cho văn học phát triển và hưởng thụ giá trị của văn học; Giới thiệu, quảng bá và bảo tồn, phát huy giá trị các tác phẩm văn học Việt Nam.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Chính phủ cần sớm ban hành Nghị định về hoạt động văn học; các văn bản quy định chuyên sâu cho lĩnh vực văn học, có những quy định cụ thể để khuyến khích nhà văn sáng tác, tổ chức sáng tác, cuộc thi, giải thưởng, trại sáng tác văn học, dịch văn học, giới thiệu, quảng bá văn học.

Để phát triển văn hoá đồng bộ, hài hoà với tăng trưởng kinh tế, dự thảo Nghị định cần quy định đưa kế hoạch phát triển văn học vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương hằng năm; xây dựng cơ chế, chính sách tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí cho các hoạt động văn học, thu hút nhiều nguồn lực xã hội đầu tư cho hoạt động văn học.

Hỗ trợ và khuyến khích các hoạt động sáng tác văn học; góp phần tạo môi trường thuận lợi, lành mạnh cho văn học phát triển và hưởng thụ giá trị của văn học; đẩy mạnh giới thiệu, quảng bá và bảo tồn, phát huy giá trị các tác phẩm văn học Việt Nam.

Trên đây là báo cáo thực trạng hoạt động văn học và các vấn đề liên quan đến lập đề nghị xây dựng Nghị định về văn học.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Tạ Quang Đông;
- Thứ trưởng Trịnh Thị Thủy;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Lưu: VT, NTBD, LTh (30).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng